

Số: /2025/QĐ-UBND Hải Dương, ngày tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15, bao gồm:

1. Khoản 6 Điều 35 về phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.

2. Khoản 4 Điều 44 về thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời.

3. Khoản 5 Điều 44 về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.

4. Khoản 2 Điều 47 về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn địa phương.

5. Khoản 2 Điều 48 về thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các sở, ngành thuộc tỉnh có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Hải Dương.

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ.

## **Điều 3. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ**

1. Xe thô sơ:

a) Xe đạp, xe đạp máy và các loại xe tương tự: Được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường bộ cao tốc và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm;

b) Xe xích lô, xe lăn dùng cho người khuyết tật và các loại xe tương tự: Được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ trong phạm vi đô thị, khu dân cư, khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu vui chơi giải trí, trừ đường cao tốc và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm;

c) Xe vật nuôi kéo và các loại xe tương tự: Được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường cao tốc, quốc lộ 5, quốc lộ 18 và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm.

2. Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ được hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường bộ cao tốc và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm.

3. Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ chỉ được hoạt động trong phạm vi các tuyến đường nội bộ khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, trong khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu thể thao, khu vui chơi giải trí và các tuyến đường, tuyến phố được phép lưu thông. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì cùng với các đơn vị có liên quan xác định cụ thể tuyến đường, tuyến phố xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được phép lưu thông.

## **Điều 4. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị**

1. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở phế thải rời:

a) Xe chở rác, xe chở bùn, xe chở chất thải rắn sinh hoạt, xe chở phế thải rời: Không giới hạn thời gian vận chuyển;

b) Xe chở chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý và xe chở chất thải rắn nguy hại: Được phép vận chuyển trong khoảng thời gian từ 21 giờ 30 phút ngày hôm trước đến 05 giờ 30 phút ngày hôm sau;

c) Xe rửa đường, xe tưới cây, xe quét đường không được hoạt động trong các giờ cao điểm (từ 06 giờ 30 phút đến 08 giờ 00 phút và từ 16 giờ 00 phút đến 17 giờ 30 phút hoặc thời gian đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền).

2. Xe ô tô chở vật liệu xây dựng được phép hoạt động không giới hạn thời gian trong ngày trên các tuyến đường, tuyến phố không có biển cấm. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình hình thực tế, quyết định cấm hoạt động đối với xe ô tô chở vật liệu xây dựng trên những tuyến đường, tuyến phố cần hạn chế được giao quản lý sau khi thống nhất với Sở Giao thông vận tải.

### **Điều 5. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị**

#### 1. Đối với xe buýt

a) Tại nhà chờ xe buýt phải niêm yết các thông tin: Số hiệu tuyến, tên tuyến, hành trình, tần suất chạy xe, thời gian hoạt động trong ngày của tuyến, số điện thoại di động đường dây nóng của đơn vị kinh doanh vận tải và Sở Giao thông vận tải, bản đồ hoặc sơ đồ mạng lưới tuyến;

b) Tại điểm đầu, điểm cuối tuyến, trạm chuyển tiếp phải có nhân viên của đơn vị khai thác để kiểm tra lịch trình và hướng dẫn hành khách;

c) Hệ thống nhà chờ, trạm chuyển tiếp, điểm dừng đón, trả khách được ưu tiên xây dựng, lắp đặt tại những vị trí thuận lợi cho việc đi lại của hành khách. Việc quảng cáo tại nhà chờ, trạm chuyển tiếp phải đảm bảo mỹ quan đô thị và tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo;

d) Bên ngoài xe: Có màu sơn đặc trưng được đăng ký với Sở Giao thông vận tải, có số hiệu, điểm đầu, điểm cuối của tuyến trên kính xe phía trước và kính xe phía sau (số hiệu ở góc trên bên phải kính trước, góc trên bên trái kính sau của người lái xe), phía ngoài hai bên thành xe phải niêm yết lộ trình cơ bản của tuyến, tại cửa lên, xuống xe niêm yết giá vé, số điện thoại của đơn vị khai thác tuyến. Các thông tin được niêm yết phải đảm bảo đọc được từ phía ngoài xe. Bên trong xe phải bố trí ở vị trí dễ nhìn thấy các nội dung sơ đồ tuyến, giá vé, nội quy phục vụ và số điện thoại “đường dây nóng” của đơn vị khai thác và Sở Giao thông vận tải. Việc trang trí, quảng cáo hai bên thành xe được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật hiện hành;

đ) Trên phương tiện phải có thùng đựng rác, không để hành khách vứt rác trên xe, xuống lòng, lề đường và hè phố.

#### 2. Đối với xe tuyến cố định

a) Phải chạy đúng lộ trình đã được công bố;

b) Chỉ được dừng, đón, trả khách tại bến xe đầu, cuối và các điểm dừng đón trả khách tuyến cố định dọc theo hành trình tuyến đã được công bố;

c) Trên phương tiện phải có thùng đựng rác, không để hành khách vứt rác trên xe, xuống lòng, lề đường và hè phố.

#### 3. Đối với xe hợp đồng và xe vận tải hành khách du lịch

a) Chỉ được đón, trả khách tại vị trí ghi trong hợp đồng;

b) Phương tiện vận chuyển hành khách du lịch ngoài việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ, pháp luật về đường bộ còn phải chấp hành các quy định của pháp luật về du lịch;

c) Trên phương tiện phải có thùng đựng rác, không để hành khách vứt rác trên xe, xuống lòng, lề đường và hè phố.

#### 4. Đối với xe vận tải hành khách bằng xe taxi

a) Phải đỗ xe đúng nơi theo quy định;

b) Đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người lái xe nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

#### 5. Đối xe vận tải hàng hóa

a) Phải đỗ xe đúng nơi theo quy định;

b) Chấp hành đúng quy định khi đỗ xe để xếp, dỡ hàng hóa;

c) Phương tiện có trọng tải từ 1,5 tấn trở lên không được phép lưu thông trong đô thị trên một số tuyến đường, tuyến phố có biển cấm vào các khung giờ cao điểm. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ tình hình thực tế, quyết định cấm hoạt động đối với xe ô tô có trọng tải từ 1,5 tấn trở lên trên tuyến đường, tuyến phố cần hạn chế được giao quản lý sau khi thống nhất với Sở Giao thông vận tải.

6. Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ và xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ khi hoạt động vận tải trong đô thị phải chấp hành điều kiện theo quy định của Chính phủ và phạm vi hoạt động theo quy định Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy khi hoạt động vận tải trong đô thị phải chấp hành quy định về phạm vi hoạt động và quy định việc sử dụng xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hải Dương của Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **Điều 6. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị**

1. Đến hết năm 2025, đơn vị đăng ký tham gia khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hải Dương phải đảm bảo có 5% tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến có chỗ ngồi dành riêng cho người khuyết tật, có lắp đặt thiết bị hỗ trợ đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật.

2. Giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030 mỗi năm tăng thêm ít nhất 1% tỷ lệ phương tiện đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật; sau năm 2030 tỷ lệ phương tiện đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật đạt trên 10%. Trường hợp phương tiện không có thiết bị hỗ trợ thì nhân viên phục vụ có trách nhiệm giúp đỡ cho người khuyết tật lên xuống xe.

3. Các đơn vị vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải chủ động bố trí phương tiện tham gia hoạt động trên tuyến đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật theo khoản 1, khoản 2 Điều này.

**Điều 7. Sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa**

1. Xe mô tô, xe gắn máy kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa được phép hoạt động trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường bộ cao tốc và các tuyến đường, tuyến phố có biển báo cấm.

2. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phân mem hỗ trợ kết nối vận tải bằng xe mô tô, xe gắn máy hai bánh phải chấp hành quy định tại Điều 80 của Luật Đường bộ và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành.

3. Khi kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe mô tô, xe gắn máy, tổ chức, cá nhân phải thực hiện quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 35 và khoản 1 Điều 47 Luật Trật tự, an toàn giao thông. Trước khi kinh doanh vận chuyển hành khách phải thông báo đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú thông tin về người điều khiển phương tiện (họ tên và số định danh cá nhân), biển số xe.

4. Tổ chức, cá nhân khi kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa bằng xe thô sơ phải bảo đảm điều kiện hoạt động theo quy định tại Điều 26 Nghị định 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, quy định của pháp luật khác có liên quan và quy định sau:

a) Hoạt động trong phạm vi quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này. Không được sử dụng xe lăn dùng cho người khuyết tật để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa. Xe đạp, xe vật nuôi kéo chỉ kinh doanh vận chuyển hàng hóa;

b) Trước khi kinh doanh vận chuyển hành khách phải thông báo đến Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú thông tin về người điều khiển phương tiện (họ tên và số định danh cá nhân), loại phương tiện;

**Điều 8. Thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ**

1. Hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ chỉ được thực hiện trong phạm vi các tuyến đường nêu tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này. Thời gian hoạt động do đơn vị quản lý khu công nghiệp, cụm công nghiệp, nhà máy, xí nghiệp, khu du lịch, điểm du lịch, khu di tích, điểm di tích, khu thể thao, khu vui chơi giải trí quyết định.

2. Hoạt động chuyên hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ không giới hạn thời gian trong ngày trên tất cả các tuyến đường bộ, trừ đường bộ cao tốc và các tuyến đường, tuyến phố có biển cấm.

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 02 năm 2025.

2. Bãi bỏ các Quyết định sau từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 10 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định điều kiện, phạm vi hoạt động của người điều khiển và phương tiện giao thông thô sơ đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

b) Quyết định số 13/2010/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành quy định về hoạt động vận tải đường bộ bằng ô tô trong đô thị và phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

c) Quyết định số 24/2010/QĐ-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương ban hành Quy định quản lý sử dụng xe thô sơ, xe gắn máy, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Hải Dương”.

d) Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc bổ sung quy định điều kiện, phạm vi hoạt động của người điều khiển và phương tiện giao thông thô sơ đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương (ban hành kèm theo Quyết định số 10/2010/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh).

3. Giao Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại các văn bản pháp luật có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, xử lý vi phạm trong hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị, tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị và thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời hoạt động trong đô thị trên địa bàn tỉnh Hải Dương; hoạt động của xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ngành: Giao thông vận tải, Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 9;
- Bộ Công an;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Vụ pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công nghệ thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, NCC. (25).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT.CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lưu Văn Bản**